CTY CP DƯỢC PHẨM TIPHARCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC
Mỹ Tho, ngày 30, tháng 03, năm 2023

TÊN GÓI THẦU

SỬA CHỮA MỞ RỘNG CHUYỀN PENI, CẢI TẠO HỆ THỐNG LẠNH XƯỞNG BETALACTAM - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

DỰ ÁN:

_ Sửa chữa mở rộng chuyền Peni

_ Cải tạo sửa chữa, cung cấp lắp đặt hệ thống HVAC Xưởng Betalactam

Địa điểm: Số 15, Đốc Binh kiều, Phường 2, Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Phát hành: ngày 30/03/2023

Bên mời thầu
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO - TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

Lưu Hoài Nam

ROOM DATA SHEET

Số TT No.	TÊN CHUYỀN	Tên phòng Room name	THÔNG SỐ PHÒNG ROOM PARAMETERS					THÔNG SỐ YÊU CẦU SPECIFICATION REQUIRED					GHI CHÚ Remark
			Dài Length	Rộng Width	Chiều cao Height	Diện tích Area	Thể tích Volume	Cấp độ sạch Clean liness grade	Nhiệt độ Temp.	Độ ẩm Humidity	Áp suất Air Pressure	Số lần trao đổi nhỏ nhất Air change	
			m	m	m	m²			°C	%RH	Pa	Min. ACH	
1	CHUYỀN CEPHA	Bao Phim	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
2		Dập viên	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
3		Tán	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
4		Trộn	4,40	3,50	2,80	15,40	43,12	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
5		Cân	4,40	2,50	2,80	11,00	30,80	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
6		Nguyên liệu	2,90	3,50	2,80	10,15	28,42	Grade E	23-25°C	55-65%RH	5±3Pa	> 10	
7		A/L nguyên liệu	1,50	3,50	2,80	5,25	14,70	Grade D	23-25°C	55-65%RH	45±3Pa	> 20	
8		Đóng thùng	4,40	2,50	2,80	11,00	30,80	Grade E	23-25°C	55-65%RH	5±3Pa	> 10	
9		Ép vỉ 1	2,20	4,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
10		Ép vỉ 2	2,20	4,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
11		Đóng nang	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
12		Ép gói	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
13		Bán thành phẩm	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
14		Đóng chai	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
15		Dụng cụ sạch	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	55-65%RH	45±3Pa	> 20	

16		Rửa dụng cụ	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	N/A	15±3Pa	> 20	
17		Thay đồ Nam lần 1			2,80	3,40	9,52	Grade E	N/A	N/A	N/A	> 10	
18		Thay đồ Nam lần 2	4,40	1,10	2,80	4,84	13,55	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
19		Thay đồ Nữ lần 1			2,80	3,40	9,52	Grade E	N/A	N/A	N/A	> 10	
20		Thay đồ Nữ lần 2	4,40	1,10	2,80	4,84	13,55	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	≥ 20	
21		A/L CN	1,00	1,00	2,80	1,00	2,80	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
22		Hành Lang			2,80	41,52	116,26	Grade D	23-25°C	55-65%RH	30±3Pa	> 20	
23		IPC	4,40	1,60	2,80	7,04	19,71	Grade D	23-25°C	55-65%RH	15±3Pa	> 20	
24		Tắm Nam			2,80	3,36	9,41	Grade E	N/A	N/A	5±3Pa	> 10	
25		Tắm Nữ			2,80	3,36	9,41	Grade E	N/A	N/A	5±3Pa	> 10	
26		Đêm TĐ Cấp D			2,80	1,9	5,32	Grade D	23-25°C	55-65%RH	30±3Pa	> 20	
27		Exit 1 Cepha			2,80	1,8	5,04	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	
28		Exit 2 Cepha			2,80	1,2	3,36	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	
1		Rửa dụng cụ	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	N/A	15±3Pa	> 20	
2		Dụng cụ sạch	4,40	1,90	2,80	8,36	23,41	Grade D	23-25°C	50-60%RH	45±3Pa	> 20	
3		Dập viên	4,40	2,50	2,80	11,00	30,80	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
4		Trộn 300	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
5		Cân	4,40	2,50	2,80	11,00	30,80	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
6		Nguyên liệu BB	2,90	2,50	2,80	7,25	20,30	Grade E	23-25°C	55-65%RH	5±3Pa	>10	
7		A/L nguyên liệu BB	1,50	2,50	2,80	3,75	10,50	Grade D	23-25°C	50-60%RH	45±3Pa	> 20	
8		Ép vỉ 1	2,20	3,50	2,80	7,70	21,56	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
9		Ép vỉ 2	2,20	3,50	2,80	7,70	21,56	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
10		Ép túi	4,40	4,80	2,80	21,12	59,14	Grade E	23-25°C	N/A	5±3Pa	N/A	
11		Bao phim 200	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
12		Bao phim 100	4,40	2,50	2,80	11,00	30,80	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
13		Ép gói	4,40	3,00	2,80	13,20	36,96	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
14		Đóng nang	4,40	2,40	2,80	10,56	29,57	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	> 20	
15	CHUYỀN PENI	Bán thành phẩm	4,40	2,00	2,80	8,80	24,64	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	> 20	
16		IPC	4,40	1,50	2,80	6,60	18,48	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	> 20	
17		Ép vỉ xé	4,40	1,80	2,80	7,92	22,18	Grade D	23-25°C	20-30%RH	15±3Pa	> 20	
18		Hành lang	-		2,80	37,78	105,78	Grade D	23-25°C	35-45%RH	30±3Pa	> 20	
19		Thay đồ Nam lần 1	-		2,80	2,94	8,23	Grade E	N/A	N/A	N/A	> 10	
20		Thay đồ Nam lần 2	4,40	1,10	2,80	4,84	13,55	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	> 20	
21		Thay đồ Nữ lần 1			2,80	2,94	8,23	Grade E	N/A	N/A	N/A	> 10	
22		Thay đồ Nữ lần 2	4,40	1,10	2,80	4,84	13,55	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	≥ 20	
23		Đêm TĐ Cấp D			2,80	1,7	4,76	Grade D	23-25°C	55-65%RH	30±3Pa	> 20	
24		A/L CN	1,00	1,00	2,80	1,00	2,80	Grade D	23-25°C	50-60%RH	15±3Pa	> 20	
25		Tắm Nam			2,80	3,0	8,40	Grade E	N/A	N/A	5±3Pa	> 10	
26		Tắm Nữ			2,80	3,2	8,96	Grade E	N/A	N/A	5±3Pa	> 10	
27		Exit 1 Peni			2,80	1,5	4,20	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	
28		Exit 2 Peni			2,80	1,8	5,04	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	